

Số: 39/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 02/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2026/TLST-DS ngày 23/01/2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N1 (V); địa chỉ: A T, phường H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Công N, CCCD số: 06408401123, cấp ngày 06/11/2022. Chức vụ: Trưởng phòng G - Chi nhánh B; địa chỉ: A H, phường A, tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền lại số 02/UQ-BGL-HCNSNQ ngày 25/12/2025 của Giám đốc V - Chi nhánh B).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn L, sinh năm 1975, CCCD số: 001075042608, cấp ngày 10/5/2021 và bà Trình Thị Kim L1, sinh năm 1987, CCCD số: 064187006185, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Tổ A A, phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 có vay tiền và còn nợ tại Ngân hàng V Chi nhánh B - Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo các Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 864/23/TDH/PGDAK ngày 08/9/2023; Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 516/24/TDH/PGDAK ngày 06/6/2024; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/516/24/TDH/PGDAK ngày 06/6/2024; Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 101/25/HM/PGDAK/TAILOC ngày 04/02/2025. Tạm tính đến ngày 02/4/2026, ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 còn nợ số tiền gốc là 13.053.174.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 647.303.536

đồng và tiền lãi phạt quá hạn: 124.522.863 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 13.825.000.399 đồng (*Mười ba tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín đồng*).

2.2. Về phương án trả nợ: Trong thời hạn từ ngày 02/4/2026 đến ngày 30/6/2026, ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V Chi nhánh B - Phòng G số 13.825.000.399 đồng (*Mười ba tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi chín đồng*) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2026 theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 vi phạm thời hạn trả nợ như đã cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 02/21/08A/NHNT ngày 21/8/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 01/21/08/NHNT ngày 21/8/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/21/08/NHNT ngày 21/8/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/21/08/NHNT ngày 21/8/2023 để thu hồi nợ đối với:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 798b, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Tổ B N, phường A, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận số BĐ 271469 cấp ngày 09/5/2011.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 798c, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Tổ B N, phường A, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận số Y 896001 cấp ngày 19/12/2003.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất: Tổ B N, phường A, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận số BR 876892 cấp ngày 22/12/2015.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thửa đất: Tổ B N, phường A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Tổ A A, phường A, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận số DB 023029 cấp ngày 09/6/2021.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ. Ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng là 2.000.000đ nên ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.4. Về án phí: Mức án phí hòa giải thành của số tiền 13.825.000.399 đồng trong vụ án là: $[112.000.000đ + (0,1\% \times 9.825.000.399đ)] \times 50\% = 60.912.500$ đồng. Ông Nguyễn L và bà Trình Thị Kim L1 tự nguyện chịu số tiền án phí là 60.912.500 đồng (*Sáu mươi triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 60.989.000 đồng (*Sáu mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai số 0000838 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông